

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

Bản án số: 21/2025/HS-ST

Ngày 21-8-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo.

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sang – Nguyên Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2/ Nguyễn Thanh Hải – Nguyên Giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Khánh Hỷ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Huỳnh Tuyết T**, sinh ngày 01/01/1986. Tên gọi khác: H9. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: 4/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Huỳnh Văn P (c) và bà Bùi Thị L (s). Chồng là Nguyễn Vương T1. Có 02 con: Con lớn sinh năm 2001 và con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thị T2**, sinh ngày 01/01/1984. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 0/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T3 (c) và bà Nguyễn Thị T4 (c). Bị cáo không có chồng, con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 28/01/2024, bị cáo

T2 có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, đến ngày 22/02/2024 Công an xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ ra quyết định xử phạt số tiền 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 26/02/2024, Công an xã T tổng đạt quyết định được cho bị cáo. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Đào Ngọc S**, sinh ngày 06/7/1981. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Giáo viên. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào Văn Đ (s) và bà Mai Thị H (s). Bị cáo không có chồng, con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 28/01/2024, bị cáo S có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, đến ngày 22/02/2024 Công an xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ ra quyết định xử phạt số tiền 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 26/02/2024, Công an xã T tổng đạt quyết định được cho bị cáo. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo S là luật sư Nguyễn Xuân M - Văn phòng L3 – Đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số E T, phường C, thành phố Cần Thơ.

4/ Họ và tên: **Tô Thị H1**, sinh ngày 01/01/1973. Nơi sinh: Cần Thơ. HKTT: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tô Hồng D (s) và bà Nguyễn Thị B (s). Chồng là Nguyễn Văn H2. Con ruột: 02 người, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Đào Thị M1**, sinh ngày 01/01/1977. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm vườn. Trình độ học vấn: 7/12. Dân tộc: Khmer. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào Văn M2 (c) và bà Nguyễn Thị B (c). Chồng là Huỳnh Văn D1. Con ruột: 02 người, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Mười H3**, sinh ngày 01/01/1977. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Mua bán. Trình độ học vấn: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V (c) và bà Nguyễn Thị P1 (s). Chồng là Huỳnh Văn H4. Con ruột: có 01 người, sinh năm 1998. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

7/ Họ và tên: **Võ Thị Hồng N**, sinh ngày: 01/01/1971. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Văn M3 (c) và bà Phan Thị T5 (c). Chồng là Huỳnh Văn T6. Con

ruột: 02 người, con lớn sinh năm 1996 và con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

8/ Họ và tên: **Lê Thị Ú**, sinh ngày 01/01/1974. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Thợ may. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn M4 (c) và bà Nguyễn Thị H5 (c); C là Huỳnh Văn T7. Chưa có con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

09/ Họ và tên: **Trần Thanh M5**, sinh ngày 24/11/1979. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 4/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn H6 (s) và bà Huỳnh Thị Thu D2 (s). Vợ là Võ Thị Lê H7. Con ruột: 01 người, sinh năm 2003. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

10/ Họ và tên: **Huỳnh Văn T8**, sinh ngày 17/10/1994. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Huỳnh Văn T9 (s) và bà Nguyễn Thị L1 (s). Chưa có vợ, con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

11/ Họ và tên: **Đoàn Văn T10**, sinh ngày 29/4/2004. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đoàn Văn H8 (s) và bà Nguyễn Thị L2 (s). Chưa có vợ, con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

12/ Họ và tên: **Đoàn Khánh D3**, sinh ngày 07/5/2007. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đoàn Văn H8 (s) và bà Nguyễn Thị L2 (s). Chưa có vợ, con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo D3: ông Đoàn Văn H8, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo D3: bà Nguyễn Thị D4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C – có mặt.

13/ Họ và tên: **Lương Minh T11**, sinh ngày 13/11/2007. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lương Minh C1 (s) và bà Lâm Thị Thúy H9 (s). Chưa có

vợ, con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo T11: ông Lương Minh C1, sinh năm 1970 và bà Lâm Thị Thúy H9, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ – bà H9 có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T11: bà Lê Thị T12 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 24/02/2024, Công an xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ phát hiện tại căn nhà của anh Huỳnh Văn T13 (là anh ruột bị cáo T) thuộc ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ có nhóm người gồm: Huỳnh Tuyết T, Huỳnh Văn T8, Đào Thị M1, Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thị Mười H3, Đoàn Khánh D3, Đoàn Văn T10, Lê Thị Ú, Trần Thanh M5, Tô Thị H1, Nguyễn Thị T2, Đào Ngọc S và Lương Minh T11 đang tụ tập tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh 06 lá (binh Ấn Độ) ăn thua bằng tiền với nhau. Công an xã T tiến hành lập biên bản sự việc, đưa những người có liên quan về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra xác định bị cáo Huỳnh Tuyết T (thường gọi H9) sử dụng căn nhà của ông T13 làm nơi tổ chức đánh bạc, do T13 đã bỏ đi cách đây hơn 01 năm nên không có ở nhà, bị cáo T sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để cho người khác tham gia đánh bài ăn tiền với nhau và thu tiền xâu. Bị cáo T trực tiếp đứng ra mua bài và mua nước cho những người đánh bạc sử dụng. Bản thân bị cáo T không quy định mức thu tiền xâu mà tùy theo vòng tụ làm cái thắng tiền ít hay nhiều thì tụ làm cái tự đưa tiền xâu từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Trong ngày 24/02/2024, bị cáo T mua hai bộ bài tây 52 lá và tổ chức cho 12 người tham gia đánh bạc. Tại thời điểm Công an xã T phát hiện, bị cáo T đã thu tiền xâu được tổng số tiền 190.000 đồng từ những người tham gia đánh bạc. Bị cáo T không tham gia đánh bạc.

Vào ngày 24/02/2024, các bị cáo Huỳnh Văn T8, Đào Thị M1, Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thị Mười H3, Đoàn Khánh D3, Đoàn Văn T10, Lê Thị Ú, Trần Thanh M5, Tô Thị H1, Nguyễn Thị T2, Đào Ngọc S và Lương Minh T11 đến địa điểm nêu trên tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh 06 lá (binh Ấn Độ) ăn thua bằng tiền với nhau. Sòng bài có 01 tụ cái để ăn thua trực tiếp với các tụ bài con (đặt tụ chính, ké vào tụ chính) và làm cái xoay vòng với nhau, mỗi vòng 03 ván bài; hình thức chơi mỗi tụ bài được chia 06 lá bài (loại bài tây 52 lá), rồi phân làm 02 chi bài, mỗi chi 03 lá để đếm nút tính thắng thua với nhau (lớn nhất là ba tây, gồm những cây bài J, Q, K; tiếp đến là chín nút và giảm dần, nhỏ nhất là nút bù tức mười, hai mươi, ba mươi nút); số tiền đặt cược

ăn thua với nhau được tính theo mỗi bàn bài, dao động từ 10.000 đồng đến 150.000 đồng. Thời điểm diễn ra đánh bài ăn thua bằng tiền với nhau từ khoảng 15 giờ đến 17 giờ ngày 24/02/2024 thì bị cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản vi phạm.

Kết quả điều tra đã chứng minh được số tiền tang trên chiếu bạc và số tiền các đối tượng trên dùng vào việc đánh bạc là 7.619.000 đồng, cụ thể:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Mười H3 mang theo số tiền 400.000 đồng để tham gia đánh bạc đến khi Công an kiểm tra thì thua hết số tiền trên.

+ Bị cáo Võ Thị Hồng N mang theo số tiền 300.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc, đến khi Công an phát hiện thì thua hết số tiền trên.

+ Bị cáo Trần Thanh M5 mang theo trong người số tiền 3.205.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc, bị cáo M5 đánh thua số tiền 160.000 đồng; còn lại 3.045.000 đồng trên người tiếp tục dùng để đánh bạc, nếu thua thì bị cáo M5 sẽ dùng số tiền này để chung chi.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T2 mang theo số tiền 500.000 đồng dùng để đánh bạc, bị cáo T2 thua hết 200.000 đồng còn lại 300.000 đồng thì bỏ lại tại sòng bạc lúc Công an kiểm tra.

+ Bị cáo Tô Thị H1 mang theo số tiền 250.000 đồng để tham gia đánh bạc ăn tiền, đến thời điểm bị Công an phát hiện thua 240.000 đồng, còn lại số tiền 10.000 đồng bị tạm giữ.

+ Bị cáo Đào Ngọc S mang theo số tiền 1.569.000 đồng. Tại thời điểm Công an kiểm tra, bị cáo S chỉ tham gia ké vào tụ bài chính và đang hoà vốn chưa thắng thua; bị tạm giữ tại chiếu bạc số tiền 40.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và tạm giữ trong người số tiền 1.529.000 đồng. Số tiền 1.529.000 đồng, bị cáo S sử dụng đóng hụi và tiêu xài cá nhân không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Bị cáo Huỳnh Văn T8 mang theo số tiền 800.000 đồng để tham gia đánh bạc, thời điểm Công an kiểm tra, bị cáo T8 đang hoà vốn và bị tạm giữ số tiền trên.

+ Bị cáo Đào Thị M1 mang theo số tiền 150.000 đồng để đánh bài; đến thời điểm Công an kiểm tra, bị cáo M1 đã thua hết 100.000 đồng, còn lại 50.000 đồng bị thu giữ trên chiếu bạc.

+ Bị cáo Đoàn Khánh D3 mang theo số tiền 150.000 đồng để tham gia đánh bạc và đã thua hết số tiền này tại thời điểm Công an kiểm tra.

+ Bị cáo Đoàn Văn T10 mang theo số tiền 800.000 đồng để tham gia đánh bạc, thua số tiền 180.000 đồng, còn lại 620.000 đồng, khi bị Công an phát hiện thu giữ trong người bị cáo T10 số tiền 614.000 đồng.

+ Bị cáo Lê Thị Ú mang theo số tiền 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Thời điểm Công an phát hiện bị cáo Ú đã thua hết số tiền là 200.000 đồng.

+ Bị cáo Lương Minh T11 mang theo 150.000 đồng để tham gia đánh bạc. Thời điểm Công an phát hiện, bị cáo Thái T14 50.000 đồng, còn lại 100.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

*** Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu và đồ vật:**

- Đối với 06 (sáu) điện thoại di động các loại gồm: 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen của bị cáo Lê Thị Ú; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh nhạt của bị cáo Đoàn Văn T10; 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen của bị cáo Nguyễn Thị Mười H3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A1S, màu trắng của bị cáo Huỳnh Tuyết T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng của bị cáo Đoàn Khánh D3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen của bị cáo Đào Ngọc S. Qua kiểm tra các điện thoại không có dữ liệu liên quan đến việc đánh bạc và các bị can không sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 chiếc chiếu và 04 bộ bài tây, trong đó, 02 bộ bài đã sử dụng và 02 bộ bài chưa sử dụng là các công cụ được các bị cáo sử dụng cho việc đánh bạc.

- Tiền Việt Nam: 9.148.000 đồng. Trong đó, tiền tang thu giữ tại chiếu bạc là 3.150.000 đồng; thu giữ trong người các đối tượng là 5.998.000 đồng gồm Trần Thanh M5 là 3.045.000 đồng, Huỳnh Văn T8 là 800.000 đồng, Đoàn Văn T10 là 614.000 đồng, Tô Thị H1 là 10.000 đồng được các bị can sử dụng vào việc đánh bạc. Đối với số tiền 1.529.000 đồng thu giữ trên người Đào Ngọc S là tiền cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội.

Căn cứ Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 128/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 09/10/2024 của Trung tâm pháp y thành phố C đối với kết luận: Đoàn Khánh D3 có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng (tại thời điểm giám định ngày 04/10/2024).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với những chứng cứ đã thu thập.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKSKV 3 ngày 21/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã truy tố bị cáo Huỳnh Tuyết T về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lê Thị Ú, Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Mười H3, Trần Thanh M5, Đào Ngọc S, Đào Thị M1, Đoàn Văn T10, Tô Thị H1, Huỳnh Văn T8, Đoàn Khánh D3, Lương Minh T11 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng truy tố nên Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng. Phân tích tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

1/ Đối với bị cáo Huỳnh Tuyết T: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

2/ Đối với bị cáo Lê Thị Ú: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

3/ Đối với bị cáo Võ Thị Hồng N: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

4/ Đối với bị cáo Nguyễn Thị T2: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

5/ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mười H3: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

6/ Đối với bị cáo Trần Thanh M5: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

7/ Đối với bị cáo Đào Ngọc S: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

8/ Đối với bị cáo Đào Thị M1: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

9/ Đối với bị cáo Đoàn Văn T10: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

10/ Đối với bị cáo Tô Thị H1: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

11/ Đối với bị cáo Huỳnh Văn T8: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

12/ Đối với bị cáo Đoàn Khánh D3: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 90, Điều 91 và Điều 99 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

13/ Đối với bị cáo Lương Minh T11: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 90, Điều 91 và Điều 99 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

*** Đề nghị xử lý vật chứng như sau:**

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu và 04 bộ bài tây, trong đó, 02 bộ bài đã sử dụng.

+ Tịch thu sung công: Tiền Việt Nam 7.619.000 đồng. Trong đó, tiền thu giữ tại chiếu bạc là 3.150.000 đồng; thu giữ trong người các đối tượng gồm Trần Thanh M5 là 3.045.000 đồng, Huỳnh Văn T8 là 800.000 đồng, Đoàn Văn T10 là 614.000 đồng, Tô Thị H1 là 10.000 đồng.

+ Trả lại 06 (sáu) điện thoại di động cho các bị cáo gồm:

Cho Lê Thị Ú 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen;

Cho Đoàn Văn T10 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh nhạt;
Cho Nguyễn Thị Mười H3 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen;
Cho Huỳnh Tuyết T 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng;
Cho Đoàn Khánh D3 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu vàng;
Cho Đào Ngọc S 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen và số tiền 1.529.000 đồng.

+ Bị cáo bị cáo T nộp lại tiền thu lợi bất chính số tiền 190.000 đồng để sung công.

Bị cáo Huỳnh Tuyết T nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Ú nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Võ Thị Hồng N nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T2 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Mười H3 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thanh M5 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo Đào Ngọc S nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Đào Thị M1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo Đoàn Văn T10 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Tô Thị H1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Văn T8 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Đoàn Khánh D3 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Lương Minh T11 nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết

định tổ tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, cùng tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[3] Vào ngày 24/02/2024 tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ, nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Bị cáo Huỳnh Tuyết T đã sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để tổ chức cho 12 người đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.619.000 đồng và thu tiền xâu. Hành vi của bị cáo T tổ chức đánh bạc dưới hình thức đánh bài ăn thua bằng tiền không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

[4] Theo Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

....”.

[5] Do đó, bị cáo T đã phạm tội “Gá bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[6] Ngày 24/02/2024, tại nhà bị cáo T. Các bị cáo Lê Thị Ú, Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Mười H3, Trần Thanh M5, Đào Ngọc S, Đào Thị M1, Đoàn Văn T10, Tô Thị H1, Huỳnh Văn T8, Đoàn Khánh D3 và Lương Minh T11 tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài binh Ấn Độ 6 lá ăn thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.619.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh bài ăn thua bằng tiền không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

[7] Theo Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

[8] Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[9] Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[10] Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã được pháp luật nghiêm cấm, vì đó là tệ nạn xã hội. Từ tệ nạn đánh bạc tất yếu kéo theo hàng loạt hệ lụy những tội phạm khác, gây mất trật tự công cộng và xâm phạm đến tình hình an ninh,

trật tự của địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; không lo lao động chân chính để nuôi sống bản thân và gia đình mà đi vào con đường cờ bạc để kiếm tiền không chính đáng. Các bị cáo biết rõ việc đánh bài ăn thua bằng tiền là hành vi đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý phạm tội vì động cơ thu lợi bất chính nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo gây ra.

[11] Về tính chất, mức độ:

Đối với bị cáo T là người với vai trò chủ mưu, đi mua 02 bộ bài tây để phục vụ việc đánh bạc, sử dụng địa điểm của mình quản lý để cho các con bạc đánh bạc với nhau và thu tiền xâu với số tiền 190.000 đồng nên bị cáo T chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn những người trực tiếp tham gia đánh bạc.

[12] Đối với bị cáo Nguyễn Thị T2 và bị cáo Đào Ngọc S đã có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền bị lập biên bản vào ngày 28/01/2024, Cơ quan có thẩm quyền chưa giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì lại tiếp tục bị phạm tội đánh bạc nên bị cáo T2 và bị cáo S phải chịu trách nhiệm nặng hơn các bị cáo còn lại.

[13] Hơn nữa, bị cáo S là giáo viên; đồng thời là đảng viên của Đ1, lẽ ra bị cáo phải gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật nhưng trái lại, bị cáo là người tham gia vào bài bạc làm gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[14] Đối với bị cáo Trần Thanh M5 là người dùng tiền để đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, cụ thể là 3.045.000 đồng nên bị cáo M5 cũng sẽ chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo còn lại.

[15] Tiếp theo đó là bị cáo Huỳnh Văn T8 là người sử dụng tiền để đánh bạc là 800.000 đồng nên chịu trách nhiệm nhẹ hơn bị cáo M5 nhưng nặng hơn các bị cáo còn lại.

[16] Đối với các bị cáo Đoàn Khánh D3 và Lương Minh T11 là người chưa thành niên nên được áp dụng các quy định của người chưa thành niên.

[17] Vì vậy, với tính chất và mức độ của các bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[18] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau:

[19] Đối với bị cáo T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[20] Đối với các bị cáo còn lại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo M1 có cha là Đào Văn M2 và ông ngoại là Mai Văn V1 là người có công cách mạng và được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; còn bị cáo S có ông nội là Đào Văn M2 là người có công cách mạng và được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[21] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có.

[22] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo gây ra cần phải có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục cho các bị cáo biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo T phạm tội nghiêm trọng, các bị cáo còn lại phạm tội ít nghiêm trọng; số tiền đánh bạc không lớn và các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ là phù hợp.

[23] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 04 bộ bài tây là vật chứng vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 7.619.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc nên tịch thu sung công. Đối với số tiền 190.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung công. Các điện thoại của các bị cáo không có liên quan nên trả lại cho các bị cáo. Do đó, xử lý vật chứng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[24] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[25] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Tuyết T** phạm tội “*Gá bạc*”.

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Thị Ú, Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Mười H3, Trần Thanh M5, Đào Ngọc S, Đào Thị M1, Đoàn Văn T10, Tô Thị H1, Huỳnh Văn T8, Đoàn Khánh D3 và Lương Minh T11** phạm tội “*Đánh bạc*”.

1/ Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

1.1/ Đối với bị cáo Huỳnh Tuyết T: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

1.2/ Đối với bị cáo Lê Thị Ú: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

1.3/ Đối với bị cáo Võ Thị Hồng N: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

1.4/ Đối với bị cáo Nguyễn Thị T2: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

1.5/ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mười H3: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

1.6/ Đối với bị cáo Trần Thanh M5: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba chục triệu đồng).

1.7/ Đối với bị cáo Đào Ngọc S: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng (Ba chục triệu đồng).

1.8/ Đối với bị cáo Đào Thị M1: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

1.9/ Đối với bị cáo Đoàn Văn T10: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

1.10/ Đối với bị cáo Tô Thị H1: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

1.11/ Đối với bị cáo Huỳnh Văn T8: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.12/ Đối với bị cáo Đoàn Khánh D3: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 90, Điều 91 và Điều 99 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

1.13/ Đối với bị cáo Lương Minh T11: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 90, Điều 91 và Điều 99 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

2.1/ *Tịch thu tiêu hủy:* 01 chiếc chiếu và 04 bộ bài tây, trong đó, 02 bộ bài đã sử dụng.

2.2/ *Tịch thu sung công:*

+ Tiền Việt Nam 7.619.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng). Trong đó, tiền thu giữ tại chiếu bạc là 3.150.000 đồng; thu giữ trong người các đối tượng gồm Trần Thanh M5 là 3.045.000 đồng, Huỳnh Văn T8 là 800.000 đồng, Đoàn Văn T10 là 614.000 đồng, Tô Thị H1 là 10.000 đồng.

2.3/ *Trả lại* 06 (sáu) điện thoại di động cho các bị cáo gồm:

+ Cho Lê Thị Ú 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen;
+ Cho Đoàn Văn T10 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh nhạt;
+ Cho Nguyễn Thị Mười H3 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen;

- + Cho Huỳnh Tuyết T 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu trắng;
- + Cho Đoàn Khánh D3 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng;
- + Cho Đào Ngọc S 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và số tiền 1.529.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Tuy nhiên, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã chuyển cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ theo biên bản giao vật chứng ngày 08/08/2025 và biên lai thu tiền số 0000683 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ).

2.4/ Buộc bị cáo T nộp lại tiền thu lợi bất chính số tiền 190.000 đồng (Một trăm chín mươi ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3/ *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3.1/ Buộc bị cáo Huỳnh Tuyết T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.2/ Buộc bị cáo Lê Thị Ú phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.3/ Buộc bị cáo Võ Thị Hồng N phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.4/ Buộc bị cáo Nguyễn Thị T2 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.5/ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mười H3 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.6/ Buộc bị cáo Trần Thanh M5 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.7/ Buộc bị cáo Đào Ngọc S phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.8/ Buộc bị cáo Đào Thị M1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.9/ Buộc bị cáo Đoàn Văn T10 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.10/ Buộc bị cáo Tô Thị H1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.11/ Buộc bị cáo Huỳnh Văn T8 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.12/ Buộc bị cáo Đoàn Khánh D3 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

3.13/ Buộc bị cáo Lương Minh T11 phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4/ *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo D3 và bị cáo T11, người bào chữa cho bị cáo D3 và bị cáo T11, được quyền kháng cáo./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 3 – Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Sở tư pháp TP.Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo và đương sự;
- Lưu HS, VP.

Lê Văn Lo